



## NGUYÊN TẮC HAI CẤP XÉT XỬ VÀ VIỆC ÁP DỤNG NGUYÊN TẮC ĐÓ VÀO VIỆC TỔ CHỨC TOÀ ÁN CÁC CẤP

PGS.TS Trần Văn Độ\*

### 1. Quan niệm về nguyên tắc hai cấp xét xử

#### 1.1. Nguyên tắc hai cấp xét xử trong các hệ thống pháp luật

##### a) Khái niệm “cấp xét xử”

Trong Luật tố tụng hình sự cũng như tố tụng tư pháp, người ta thường đề cập tới cấp xét xử. Tuy nhiên, thế nào là *cấp xét xử* lại chưa được đề cập đến trong khoa học pháp lý nước ta. Trong khoa học pháp lý Liên Xô (cũ), người ta quan niệm cấp xét xử như là “giai đoạn xem xét vụ án tại Toà án với thẩm quyền xác định”<sup>(1)</sup>. Quan niệm này cũng được nhận thức tương đối phổ biến trong khoa học pháp lý nước ta. Xuất phát từ đây, người ta cho rằng trong tố tụng tồn tại các cấp xét xử là xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét xử giám đốc thẩm và tái thẩm. Theo quan niệm này thì cấp xét xử đơn thuần là khái niệm tố tụng chung, thể hiện một giai đoạn xét xử nhất định trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính, v.v...

Theo chúng tôi, khái niệm *cấp xét xử* không phải là khái niệm tố tụng đơn thuần. Cấp xét xử là hình thức tổ chức tố tụng thể hiện quan điểm của Nhà nước về xét xử các vụ án nhằm bảo đảm tính chính xác, khách quan trong phán quyết của Toà án, bảo vệ các quyền tự do dân chủ của công dân. Vì vậy, các quốc gia đều áp dụng nguyên tắc vụ án có thể được tổ chức xét xử nhiều lần và tổ chức hệ thống toà án để thực hiện nguyên tắc đó trong thực tế. Cấp xét xử không đơn thuần chỉ là thủ tục tố tụng; nó còn liên quan nhiều đến cách tổ chức tố tụng, tổ chức toà án để thực hiện việc xét xử lại vụ án.

Hiện nay, trong pháp luật quốc tế cũng như các quốc gia đều thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử, tức vụ án mà bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có

\* Toà án Quân sự Trung ương.

hiệu lực pháp luật của Toà án bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn định luật được Toà án cấp trên trực tiếp xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Còn các bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

*b) Nguyên tắc hai cấp xét xử và thủ tục xét xử*

Cấp xét xử là hình thức tổ chức tố tụng. Cấp xét xử và thủ tục xét xử là hai khái niệm khác nhau, nhưng chúng có quan hệ mật thiết với nhau. Nguyên tắc hai cấp xét xử là quan điểm chung có hướng chỉ đạo trong tổ chức tố tụng; còn thủ tục tố tụng là quy định cần tuân thủ để thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử. Nguyên tắc hai cấp xét xử được tổ chức thực hiện bằng các quy định cụ thể của thủ tục tố tụng trong pháp luật tố tụng của mỗi quốc gia. Thủ tục tố tụng quy định càng chính xác thì nguyên tắc này càng phát huy hiệu quả của nó trong bảo đảm xét xử đúng đắn, khách quan vụ án và bảo vệ có hiệu quả các quyền tự do dân chủ của công dân, đặc biệt là của những người tham gia tố tụng.

Để đảm bảo thực hiện đúng đắn nguyên tắc hai cấp xét xử, theo chúng tôi, các thủ tục tố tụng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

+ *Thứ nhất*, đảm bảo đầy đủ các cơ sở pháp lý và tổ chức cho việc xét xử sơ thẩm vụ án một cách khách quan, toàn diện, chính xác; mọi vấn đề đều được cấp sơ thẩm giải quyết;

+ *Thứ hai*, đảm bảo tối đa quyền kháng cáo của các đương sự đối với bản án, quyết định sơ thẩm. Đây là các quy định liên quan đến thời hạn kháng cáo, kháng nghị, liên quan đến quyền hạn của Toà án cấp phúc thẩm v.v...

+ *Thứ ba*, thể hiện đầy đủ rằng phúc thẩm là một cấp xét xử. Tính chất của phúc thẩm phải là xét xử của Toà án cấp trên trực tiếp đối với vụ án mà bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn pháp luật quy định. Thủ tục phiên toà phúc thẩm phải được tiến hành như xét xử sơ thẩm, nghĩa là phải có đầy đủ phần thủ tục bắt đầu phiên toà, thủ tục xét hỏi công khai tại phiên toà, thủ tục tranh luận, nghị án và tuyên án; Toà án cấp phúc thẩm có quyền quyết định về thực chất vụ án...

Chỉ khi nào đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, nguyên tắc hai cấp xét xử mới được thực hiện đồng bộ, phúc thẩm mới trở thành một cấp xét xử thực sự mà nguyên tắc đã khẳng định.

*c) Nguyên tắc hai cấp xét xử trong các hệ thống pháp luật*

Nguyên tắc hai cấp xét xử là nguyên tắc được xác định trong tố tụng hiện đại. Nguyên tắc này được ghi nhận trong các công ước quốc tế, đặc biệt là Công ước về quyền dân sự và chính trị của Liên hợp quốc, Quy chế về Toà án hình sự

quốc tế. Nguyên tắc này cũng được ghi nhận trong pháp luật quốc gia của các nước thuộc các hệ thống pháp luật khác nhau.

Tuy nhiên, nghiên cứu cách tổ chức hệ thống cơ quan tài phán cũng như thủ tục tố tụng của các nước cũng có những điểm khác nhau. Những điểm khác nhau thể hiện trong một số khía cạnh sau đây:

+ Nhiều quốc gia thực hiện thủ tục rút gọn trong xét xử các vụ án. Theo thủ tục này, một số trình tự được lược bỏ để đảm bảo tính nhanh gọn, hiệu quả của quá trình tố tụng;

+ Một số quốc gia áp dụng thủ tục tố tụng sơ thẩm đồng thời chung thẩm (các vụ án về tội vi cảnh, các vụ kiện tranh chấp có giá ngạch thấp...);

+ Hình thức mặc cả thú tội được sử dụng rất nhiều ở một số quốc gia như Hoa Kỳ, Đức...;

+ Về tổ chức hệ thống toà án, nhiều quốc gia tổ chức theo đơn vị hành chính lãnh thổ (pháp luật xã hội chủ nghĩa); các quốc gia khác kết hợp nguyên tắc hành chính lãnh thổ và theo cấp xét xử; các quốc gia còn lại thì tổ chức theo cấp xét xử (hệ thống án lệ common law), hệ thống pháp luật lục địa (legal law).

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý là, ở nhiều nước, các toà án được tổ chức theo cấp xét xử, nhưng điều đó không có nghĩa là việc xét xử sơ thẩm toàn bộ các vụ án đều giao cho một loại toà án, còn xét xử phúc thẩm được giao cho một loại toà án khác... Tổ chức toà án theo cấp xét xử ở đây được hiểu theo nghĩa tố tụng, chứ không phải theo nghĩa tổ chức hành chính. Ví dụ, tại Cộng hoà Pháp có các loại toà sơ thẩm hình sự khác nhau là Toà vi cảnh, Toà tiểu hình và Toà đại hình; còn thẩm quyền xét xử phúc thẩm cũng do hai loại toà án theo cấp hành chính khác nhau thực hiện.

## ***1.2. Nguyên tắc hai cấp xét xử theo pháp luật Việt Nam***

### *a) Thời kỳ 1945 - 1960*

Ngay từ ngày đầu tồn tại Nhà nước dân chủ nhân dân, Nhà nước ta đã thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử.

Về mặt tổ chức, Điều thứ 63 Hiến pháp năm 1946 quy định cơ quan tư pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gồm có Toà án tối cao, các Toà án phúc thẩm, các Toà án đệ nhị cấp và sơ cấp. Theo Sắc lệnh số 85-SL ngày 22/5/1950 thì các Toà án ở nước ta gồm có Toà án nhân dân huyện, Toà án nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân phúc thẩm khu hoặc thành phố và Toà án nhân dân tối cao; trong đó các Toà án nhân dân huyện và Toà án nhân dân tỉnh có thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án. Đến năm 1959, các Toà án phúc thẩm thành phố, liên khu được nhập lại thành các Toà án nhân dân phúc thẩm Hà Nội, Hải Phòng và Vinh với

nhiệm vụ chủ yếu là xử lại những án bị kháng cáo của các Tòa án nhân dân thành phố và tỉnh. Các Tòa án nhân dân phúc thẩm là một cấp Tòa án ở giữa Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố và Tòa án nhân dân tối cao (Thông tư số 92-Tc ngày 11/11/1959 của Liên bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao).

Đến năm 1952, Nghị định số 32-NĐ ngày 6/4/1952 quy định thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, trong đó Tòa án nhân dân huyện có thẩm quyền xét xử sơ thẩm hoặc xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm một số loại vụ án; Tòa án nhân dân tỉnh xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm (chung thẩm) đối với các vụ án mà Tòa án nhân dân huyện đã xét xử sơ thẩm.

Như vậy, từ góc độ tổ chức và tổ tụng, nguyên tắc hai cấp xét xử ở nước ta thời kỳ này được thực hiện tương đối linh hoạt. Từ chỗ tổ chức toà án theo cấp xét xử kết hợp với hành chính lãnh thổ với chức năng tổ tụng rõ ràng chuyển sang tổ chức toà án theo đơn vị hành chính lãnh thổ là chủ yếu và phân công thực hiện chức năng tổ tụng trong mỗi toà án. Việc xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm được thực hiện đối với một số vụ án dân sự, thương sự có giá ngạch thấp, một số vụ án hình sự về tội vi cảnh. Các Tòa án phúc thẩm độc lập với Tòa án nhân dân tối cao.

#### *b) Thời kỳ 1960 - 1988*

Ngày 14/7/1960, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân đầu tiên được ban hành. Và cũng trong Luật này, lần đầu tiên về mặt luật định, nguyên tắc hai cấp xét xử được ghi nhận. Điều 9 của Luật khẳng định: Tòa án nhân dân thực hành chế độ hai cấp xét xử. Đương sự có quyền chống bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân xử sơ thẩm lên Tòa án nhân dân trên một cấp. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và trên một cấp có quyền kháng nghị bản án hoặc quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân. Nếu đương sự không chống án và Viện Kiểm sát nhân dân không kháng nghị trong thời hạn do pháp luật quy định thì bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân địa phương sẽ có hiệu lực pháp luật. Bản án, quyết định phúc thẩm của các Tòa án nhân dân, bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân tối cao là chung thẩm. Các bản án tử hình phải được Hội đồng toàn thể thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao duyệt lại trước khi thi hành.

Theo quy định của điều luật thì chế độ hai cấp xét xử bao gồm các nội dung sau đây:

- + Các bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân địa phương bị kháng cáo hoặc kháng nghị trong thời hạn luật định thì do Tòa án trên một cấp xét xử lại theo trình tự phúc thẩm;

- + Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm;

+ Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật là bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn luật định; bản án, quyết định phúc thẩm và bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân tối cao;

+ Các bản án tử hình chỉ được thi hành khi có hiệu lực pháp luật và được Hội đồng toàn thể thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao duyệt.

Đồng thời, Luật cũng quy định hệ thống toà án nước ta gồm có Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương (theo đơn vị hành chính lãnh thổ) và các Tòa án quân sự.

Như vậy, theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 1960 thì hệ thống toà án nước ta được tổ chức theo đơn vị hành chính lãnh thổ. Các toà án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm là Tòa án cấp huyện và Tòa án cấp tỉnh; các toà án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm là Tòa án cấp tỉnh và Tòa án nhân dân tối cao. Các Tòa án nhân dân phúc thẩm bị bãi bỏ. Chức năng này do các Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao (toà chuyên trách) thực hiện.

Về mặt tố tụng, ngoài việc giải quyết nội dung kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm có quyền huỷ bản án, quyết định sơ thẩm để Tòa án sơ thẩm xét xử lại theo hướng nặng hơn dù không có kháng cáo, kháng nghị về vấn đề đó. Còn Tòa án xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có quyền sửa bản án theo hướng có lợi cho người bị kết án...

#### *c) Thời kỳ từ 1989 đến nay*

Những tư tưởng chính của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 1960 được giữ lại trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 1980 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988. Mặc dù chế độ hai cấp xét xử không được ghi nhận cụ thể trong các văn bản pháp luật này, nhưng nội dung cụ thể của nó vẫn được thể hiện đầy đủ; có những nội dung có sự tiến bộ hơn. Ví dụ: Về quyền hạn, Tòa án cấp phúc thẩm không có quyền làm xấu đi tình trạng của bị cáo hoặc huỷ bản án, quyết định sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo hướng làm nặng thêm tình trạng của đương sự nếu không có kháng cáo, kháng nghị về vấn đề đó.

Tuy nhiên, các văn bản pháp luật trên cũng còn những hạn chế nhất định trong thể hiện nguyên tắc hai cấp xét xử. Đó là: 1) Vẫn quy định cho phép Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo trình tự sơ thẩm đồng thời chung thẩm; 2) Xác định không chính xác tính chất của phúc thẩm, đó là xét lại bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị chứ không phải xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị; 3) Thực chất, từ góc độ quyền hạn, giám đốc thẩm cũng được coi như một cấp xét xử, tức cũng xem xét chứng cứ và ra phán quyết về thực chất vụ án.

Các hạn chế nêu trên đã được khắc phục trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Nguyên tắc hai cấp xét xử lại

được ghi nhận trong các văn bản pháp luật này; huỷ bỏ thẩm quyền xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm của Toà án nhân dân tối cao; tính chất của phúc thẩm được khẳng định là xét xử lại vụ án và bằng cách sửa đổi quyền hạn của Toà giám đốc thẩm, Luật khẳng định rằng đó chỉ là thủ tục đặc biệt (phá án) chứ không phải là một cấp xét xử... Các thay đổi quan trọng đó được thể hiện tương đối cụ thể trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

## 2. Nguyên tắc hai cấp xét xử và tổ chức của toà án

### 2.1. *Tổ chức của toà án trong các hệ thống pháp luật để thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử*

Nguyên tắc hai cấp xét xử được thực hiện bằng cách tổ chức hệ thống Toà án và các thủ tục tố tụng cụ thể. Nguyên tắc này có được thực hiện triệt để, chính xác hay không phụ thuộc rất nhiều vào tổ chức hệ thống tư pháp nói chung và các cơ quan xét xử nói riêng. Trong các nước thuộc hệ thống pháp luật án lệ (common law), các nước thuộc hệ thống pháp luật lục địa (legal law) hay các nước thuộc hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, hệ thống toà án được tổ chức theo một trong những nguyên tắc nhất định là:

- *Theo đơn vị hành chính lãnh thổ*, gồm Toà án tối cao và Toà án địa phương. Về phần mình, tùy theo đặc điểm lãnh thổ và dân cư mà các Toà án địa phương lại được tổ chức thành hai cấp (Toà án cấp tỉnh, Toà án cấp huyện) hoặc ba cấp (Toà án cấp tỉnh, Toà án cấp liên huyện và Toà án cấp huyện). Theo cách tổ chức này, một toà án có thể thực hiện các chức năng xét xử khác nhau: Toà án tối cao, Toà án cấp tỉnh vừa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm; còn Toà án cấp huyện chỉ xét xử sơ thẩm. Cách tổ chức này đặc trưng cho các nước theo hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa;

- *Theo cấp xét xử*, gồm Toà án tối cao (Toà án phá án), các Toà án phúc thẩm và các Toà sơ thẩm (Toà án vi cảnh, Toà án tiểu hình, Toà án đại hình). Các Toà án tổ chức theo cấp này thực hiện chức năng được xác định: Toà án tối cao thực hiện chức năng phá án, các Toà án phúc thẩm xét xử phúc thẩm, các Toà án sơ thẩm xét xử sơ thẩm các vụ án. Cách tổ chức này đặc trưng cho hệ thống pháp luật án lệ (common law);

- *Theo cấp xét xử kết hợp với nguyên tắc hành chính lãnh thổ*, gồm Toà án tối cao (có chức năng phá án và xét xử phúc thẩm), Toà án cấp thứ hai (xét xử phúc thẩm và sơ thẩm một số vụ án quan trọng) và Toà án cấp thứ ba (gồm các loại toà án có chức năng xét xử sơ thẩm). Hệ thống toà án này được tổ chức trên cơ sở nhận thức khoa học về nguyên tắc hai cấp xét xử và coi cấp xét xử như là cách tổ chức tố tụng chứ không máy móc coi đó là tổ chức hành chính pháp lý. Cách tổ chức này đặc trưng cho hệ thống pháp luật lục địa (legal law).

Như vậy, có thể nói rằng việc tổ chức hệ thống toà án ở các nước khác nhau phụ thuộc vào truyền thống tổ chức tư pháp nước đó, vào hệ thống pháp luật và quan niệm về nguyên tắc hai cấp xét xử v.v...

## **2.2. Tổ chức của toà án nước ta trong các giai đoạn khác nhau**

Trước năm 1960, hệ thống toà án nước ta chủ yếu được tổ chức trên cơ sở tiếp nhận hệ thống tư pháp châu Âu lục địa. Hệ thống Toà án bao gồm Toà án tối cao, các Toà án phúc thẩm (Toà thượng thẩm), các Toà án sơ cấp và đệ nhị cấp, trong đó các Toà án sơ cấp và đệ nhị cấp có thẩm quyền xét xử sơ thẩm các loại án khác nhau.

Thời kỳ sau, các Toà án sơ cấp được đổi thành Toà án cấp huyện, các Toà án đệ nhị cấp được đổi thành Toà án cấp tỉnh. Và như vậy, hệ thống toà án bao gồm 4 nấc; trong đó các Toà án phúc thẩm chỉ đơn thuần làm nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; còn các toà án khác vừa là cơ quan xét xử, vừa là tổ chức hành chính pháp lý. Vì vậy, mối quan hệ giữa các toà án về mặt tổ chức, hành chính cũng như tố tụng có những sự phức tạp nhất định.

Trong thời kỳ này, pháp luật nước ta cho phép các Toà án sơ cấp có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm các vụ án dân sự, thương sự đơn giản giá ngạch thấp, các vụ án hình sự về một số tội vi cảnh... để đảm bảo nâng cao hiệu quả xét xử của toà án, nhưng cũng không làm ảnh hưởng đến quyền tự do dân chủ của công dân.

Từ năm 1960, bằng việc ban hành Luật Tổ chức Toà án nhân dân đầu tiên, hệ thống toà án nước ta được đổi mới theo hướng tổ chức hoàn toàn theo đơn vị hành chính lãnh thổ, gồm:

- Toà án nhân dân tối cao có thẩm quyền xét xử sơ chung thẩm, xét xử phúc thẩm, xét xử giám đốc thẩm và tái thẩm;
- Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Toà án cấp tỉnh) có thẩm quyền xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét xử giám đốc thẩm và tái thẩm;
- Toà án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Toà án cấp huyện) có nhiệm vụ xét xử sơ thẩm các loại vụ án với thẩm quyền hạn chế. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm của các Toà án cấp huyện dần dần được tăng cường.

Về mặt tố tụng, pháp luật cũng quy định trường hợp xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm; nhưng đó là thẩm quyền của Toà hình sự Toà án nhân dân tối cao và Toà án quân sự trung ương đối với các vụ án đặc biệt nghiêm trọng và thẩm quyền của các Toà án quân sự thời kỳ chiến tranh. Tuy nhiên, cùng với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo vệ các quyền tự do dân chủ của công dân, thẩm quyền xét xử sơ chung thẩm của Toà hình sự Toà án nhân dân tối cao,

Toà án quân sự trung ương đối với các vụ án đặc biệt nghiêm trọng đã được bãi bỏ năm 2000 và thẩm quyền đó của các Toà án quân sự được bãi bỏ năm 1986.

Vì phạm hành chính (tội vi cảnh) không còn được coi là tội phạm và thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan quản lý Nhà nước (xử lý hành chính), chứ không phải là cơ quan xét xử. Vì vậy, cũng không còn thủ tục sơ thẩm đồng thời chung thẩm loại vụ việc này.

### **2.3. Hoàn thiện tổ chức toà án các cấp để thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử**

Thực hiện chế độ hai cấp xét xử là nguyên tắc đúng đắn của Nhà nước pháp quyền và tổ tụng hiện đại mà các nhà nước tiến bộ đều phải tuân thủ. Công cuộc cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải tổ chức thực hiện nguyên tắc đó về mặt tổ chức cũng như tổ tụng thế nào để thực hiện có hiệu quả nguyên tắc đó. Đây là vấn đề đang thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học pháp lý nước ta.

Hiện nay, trong các nhà khoa học và thực tiễn nước ta tồn tại hai quan điểm về vấn đề này:

Những người theo quan điểm thứ nhất cho rằng nên tổ chức toà án theo đơn vị hành chính lãnh thổ hiện nay nhằm bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống tổ chức bộ máy các cơ quan Nhà nước; mỗi quan hệ hữu cơ với các cơ quan pháp luật khác và đảm bảo sự lãnh đạo xuyên suốt của Đảng đối với toà án các cấp. Vấn đề là cần dần dần tăng thẩm quyền cho các Toà án nhân dân cấp huyện cho đến lúc các Toà án này đủ năng lực, điều kiện xét xử sơ thẩm tất cả các vụ án. Lúc đó sẽ hình thành hệ thống toà án theo cấp xét xử: Toà án tối cao giám đốc thẩm, tái thẩm; Toà án cấp tỉnh xét xử phúc thẩm; Toà án cấp huyện xét xử sơ thẩm.

Những người theo quan điểm thứ hai cho rằng cần tổ chức toà án theo cấp xét xử gồm Toà án tối cao, Toà án phúc thẩm (lãnh thổ một hoặc nhiều tỉnh) và Toà án sơ thẩm (quận, huyện hoặc liên quận, huyện). Những người này cho rằng cùng với việc tổ chức này sẽ đổi mới phương cách lãnh đạo của Đảng đối với các toà án, quan hệ giữa các cơ quan Nhà nước khác với toà án và điều quan trọng là phân bố hợp lý cơ cấu các vụ án xét xử, đỡ gây lãng phí vì có toà án có rất ít án, có toà án lại có quá nhiều án và đảm bảo cho các toà án độc lập thực sự trong xét xử.

Theo chúng tôi, các quan điểm nêu trên đều có yếu tố hợp lý về khoa học cũng như thực tiễn. Tuy nhiên, chúng tôi chia sẻ với quan điểm thứ hai nhiều hơn, nhưng cần có cách nhìn nhận hợp lý hơn. Đó là:

– Không thể chỉ tổ chức một loại Toà án sơ thẩm. Việc dồn tất cả các loại án với tính chất, mức độ nghiêm trọng, phức tạp khác nhau vào thẩm quyền của một toà án là bất hợp lý, gây rất nhiều bất cập về tổ chức, cán bộ, trang bị, phương tiện cũng như thủ tục tố tụng. Điều đó cũng khó phù hợp với xu thế xây dựng Nhà

nước pháp quyền là mở rộng phạm vi tài phán các tranh chấp trong xã hội. Vì vậy, theo chúng tôi, cần tổ chức hai loại Toà án sơ thẩm: Toà án xét xử các vụ án nghiêm trọng, phức tạp và Toà án xét xử các vụ án ít nghiêm trọng, đơn giản, rõ ràng.

Với thẩm quyền xét xử của Toà án hiện nay thì để Toà án cấp huyện và Toà án cấp tỉnh xét xử sơ thẩm tạm thời là hợp lý. Tuy nhiên, nếu mở rộng phạm vi tài phán của Toà án, thì cần tổ chức lại hệ thống Toà án sơ thẩm hai cấp (cấp thấp nhất ở từng quận, huyện, liên quận, huyện hoặc mỗi quận, huyện có nhiều toà án; cấp cao hơn có thể ở từng tỉnh hoặc mỗi tỉnh, thành phố có một số toà án) với đa số các vụ án được xét xử ở Toà án cấp thấp nhất.

Đồng thời cần nghiên cứu quy định thủ tục xét xử sơ chung thẩm đối với một số loại án tại Toà án cấp thấp nhất để đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả của hoạt động xét xử mà vẫn không làm ảnh hưởng nhiều đến các nguyên tắc tố tụng, nhất là nguyên tắc hai cấp xét xử;

– Thành lập các Toà án phúc thẩm độc lập ở các vùng (giống như các Toà thượng thẩm trước đây). Không nên coi Toà án phúc thẩm là toà chuyên trách của Toà án nhân dân tối cao. Với chức năng phá án, tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật và làm án lệ, không nên có một Toà án tối cao với hàng trăm thẩm phán như hiện nay. Các thẩm phán Toà án phúc thẩm không nên là thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Toà án nhân dân tối cao chỉ gồm từ 15 đến 17 thẩm phán và cấu thành Hội đồng (toàn thể) thẩm phán; tất cả các thẩm phán này đều tham gia vào các hoạt động nghiệp vụ của Toà án nhân dân tối cao.

---

## CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> *Từ điển bách khoa pháp lý*, NXB Bách khoa Xôviết, 1984, tr.126 (tiếng Nga).